

THÔNG TƯ

**Quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ
kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng**

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới (không bao gồm xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới (không bao gồm xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới (không bao gồm xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ

1. Giá cụ thể dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe

máy chuyên dùng do cơ sở đăng kiểm tự định giá không cao hơn giá tối đa của giá dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Giá tối đa, giá cụ thể dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng chưa bao gồm: thuế giá trị gia tăng; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định; chi phí lưu trú, di chuyển, thông tin liên lạc, chi phí vận chuyển thiết bị kiểm tra, thuê bãi đỗ, chi phí tháo lắp thiết bị, tiền lương làm việc ngoài giờ, làm việc vào các ngày nghỉ theo quy định pháp luật của đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ để thực hiện dịch vụ kiểm định theo yêu cầu của khách hàng.

3. Trường hợp khách hàng yêu cầu được cung cấp dịch vụ kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm, khách hàng phải chi trả cho cơ sở đăng kiểm các chi phí phát sinh thêm bao gồm: chi phí lưu trú, di chuyển, thông tin liên lạc, chi phí vận chuyển thiết bị kiểm tra, thuê bãi đỗ, chi phí tháo lắp thiết bị. Các chi phí này được xác định trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế của cơ sở đăng kiểm, phù hợp với quy định hiện hành.

4. Thuế giá trị gia tăng, lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định được thu theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Đối với loại xe ô tô chở người có cùng khoảng cách trục nhưng được sản xuất hoặc cải tạo thành nhiều kiểu loại khác nhau về số người cho phép chở thì áp dụng giá dịch vụ kiểm định của kiểu loại xe có số người cho phép chở lớn nhất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận.

6. Giá tối đa, giá cụ thể dịch vụ kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bao gồm giá dịch vụ kiểm định đối với các thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực lắp đặt trên xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

7. Trường hợp khách hàng yêu cầu cung cấp dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vào ngoài giờ làm việc của cơ sở đăng kiểm, vào các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật về lao động, khách hàng phải thanh toán thêm khoản chênh lệch tiền lương phát sinh cho cơ sở đăng kiểm để chi trả chi phí nhân công thực hiện kiểm định tương ứng với thời gian làm việc thực tế có xác nhận của khách hàng.

8. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải kiểm định lại. Giá dịch vụ các lần kiểm định lại được tính như sau:

a) Trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được kiểm định lại ngay trong ngày: giá dịch vụ mỗi lần kiểm định lại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thu tối đa bằng 50% giá cụ thể dịch vụ kiểm định của cơ sở đăng kiểm.

b) Trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì giá dịch vụ kiểm định thu bằng 100% giá cụ thể dịch vụ kiểm định của cơ sở đăng kiểm.

9. Trường hợp cung cấp dịch vụ kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm, khi đăng kiểm viên đã đến địa điểm thực hiện kiểm định mà khách hàng huỷ đề nghị thực hiện dịch vụ, khách hàng phải trả các chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

b) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận văn bản kê khai giá theo quy định tại khoản 5 điều 28 Luật Giá.

2. Cơ sở đăng kiểm cung cấp dịch vụ kiểm định có trách nhiệm: kê khai, niêm yết, công khai thông tin về giá dịch vụ kiểm định theo quy định pháp luật về giá.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cục ĐKVN;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn